

**Bộ phận Chiến lược đầu tư**
**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
<b>MWG*</b>	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	12.8%	183.4%
<b>CTG</b>	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	21.0%	-	-4.7%
<b>TDM</b>	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	0.5%	-	32.4%
<b>HAH*</b>	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	25.8%	206.3%
<b>OCB*</b>	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	3.9%	-	28.6%
<b>VHM*</b>	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	7.1%	42.9%
<b>SZC*</b>	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	38.5%	58.9%
<b>DHC*</b>	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	129.9%	157.9%
<b>ACB*</b>	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	13.9%	84.2%
<b>VPB*</b>	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	46.5%	157.1%
<b>MBB</b>	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	13.8%	-	126.5%
<b>VIB*</b>	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	18.3%	50.4%
<b>TPB*</b>	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	26.7%	63.7%
<b>PNJ*</b>	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	25.6%	111.8%
<b>SBT*</b>	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	3.75%	34.6%
<b>QNS*</b>	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	-	2.04%	48.1%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 – 28,000	46,000	21,900	1:3	12.2%
TNG	24/08/21	25,460 – 26,850	35,180	24,000	1:3	30.0%
SLS	18/08/21	139,000 – 155,000	220,000	133,000	1:3	5.6%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	25.4%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	83.7%
ABI	17/06/21	45,610 – 49,120	65,790	49,000	1:2.7	36.8%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	106.3%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	213.3%
GVR	28/05/21	26,900 – 30,100	49,000	24,500	1:3.5	38.1%
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500	1:3	-9.4%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	72.0%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	30.2%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	56.1%
SMC*	11/05/21	35,300 – 38,000	51,000	32,000	1:2	29.6%
BCG*	12/04/21	13,800 – 14,400	20,300	12,500	1:3	85.8%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	156.8%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	60.2%
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	78.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	38.5%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	44.4%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-4.3%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	-0.2%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	25.1%
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400	1:4.5	24.1%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	31.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	147.5%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	42.8%
CNG*	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	66.6%
CCL*	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	66.1%
SAM*	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	104.7%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	64.8%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	59.7%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	49.5%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	158.1%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	162.5%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	285.1%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	233.3%

## ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường có một phiên điều chỉnh giảm nhẹ nhưng diễn biến trong phiên nhìn chung cũng khá giống các phiên liền trước khi sự giằng co vẫn hiện rõ giữa phe mua và phe bán. Áp lực bán đã xuất hiện ngay từ đầu phiên và duy trì cho đến cuối giờ sáng. Lực cầu bắt đáy một lần nữa kéo chỉ số về tham chiếu trước khi điều chỉnh vào phiên chiều. Nhìn chung biến động của chỉ số không quá lớn.

Thanh khoản tăng nhẹ trên HSX trong khi giảm tương đối trên HNX.

HPG, GVR, VHM, GAS là các mã trụ điểm VN-Index nhiều nhất trong khi không có mã trụ nào tăng đáng kể để hỗ trợ thị trường.

Bảo hiểm là nhóm tăng điểm mạnh nhất trong ngày với BMI và BVH. Bên cạnh đó HBC thuộc ngành xây dựng và nhóm logistic cảng biển với HAH, GMD cũng có mức tăng tích cực đi ngược lại xu hướng giảm điểm của thị trường.

### VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

Chỉ số mở cửa thấp hơn giá đóng cửa ngày liền trước, trong phiên có hồi phục cũng chỉ về tới tham chiếu, đóng cửa ngang với mức thấp nhất của ngày liền trước và mức thấp nhất trong ngày về lai vùng 1,460.

Áp lực bán chốt lời gia tăng và lực cầu bắt đáy chỉ được thu hút lại vùng giá thấp hơn so với phiên liền trước. Nếu dòng tiền bắt đáy trở nên suy yếu thì khả năng điều chỉnh là hiện hữu. Dù vậy lực mua bắt đáy vẫn khá mạnh mẽ và cho thấy dòng tiền mới tham gia thị trường chờ cơ hội là dồi dào, chưa có một xu hướng quá rõ ràng được xác định.

**TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS****CTCP Đầu tư và Thương mại TNG – TNG VN**

Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) công bố doanh thu tháng 10 đạt 462 tỷ đồng, tăng 27%. Đây là mức doanh thu thấp nhất trong 6 tháng gần đây và rơi xuống dưới mốc 500 tỷ đồng. Giá vốn tăng mạnh hơn nên lợi nhuận gộp còn tăng 8,5% lên 67 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 17% xuống 14,6%.

Doanh thu tài chính tăng từ 3 tỷ đồng lên 9,6 tỷ đồng, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý cùng giảm. Nhờ vậy, lợi nhuận sau thuế tăng 39% lên 24,2 tỷ đồng.

Lũy kế 10 tháng, doanh nghiệp dật may ghi nhận doanh thu tăng 16,7% lên 4.543 tỷ đồng; lợi nhuận ròng tăng 32% lên 193 tỷ đồng. So với kế hoạch năm, đơn vị thực hiện được 95% chỉ tiêu doanh thu và vượt 10% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế.

**SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY**

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
CNC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	17/11/2021	18/11/2021	2/12/2021
BKH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ./cp)	17/11/2021	18/11/2021	17/12/2021
C47	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	17/11/2021	18/11/2021	17/11/2021
DNY	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	17/11/2021	17/11/2021	17/11/2021
PXL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	17/11/2021	18/11/2021	17/11/2021

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.  
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.  
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

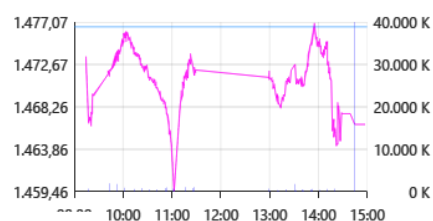
## FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

### BIẾN ĐỘNG NGÀY

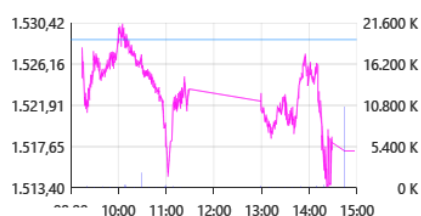
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,466.45	-0.69%	-10.12	1,223.77	34,826.5	166	40	299
Vn30 - Index	1,517.22	-0.75%	-11.46	233.2	10,992.5	7	3	20
Vn - Mid	2,028.69	-0.95%	-19.48	414.48	13,230.6	22	5	43
VN - Small	2,064.29	-0.28%	-5.88	371.35	6,880.1	74	9	109
HNX - Index	452.25	1.79%	7.97	191.31	4,548.8	110	34	193
Upcom - Index	112.11	0.34%	0.37	108.34	2,217.9	195	55	165

### BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

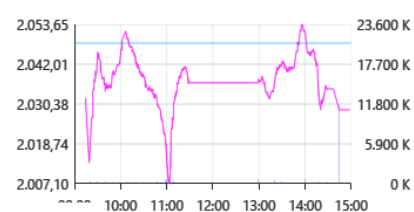
**VN-INDEX**



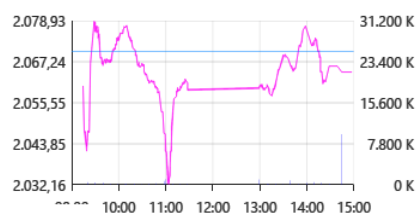
**VN30**



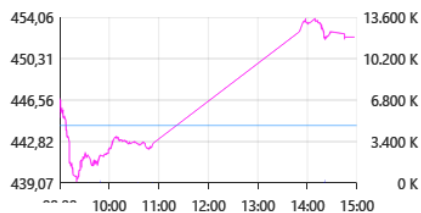
**VN-MID**



**VN-SMALL**



**HNX-INDEX**



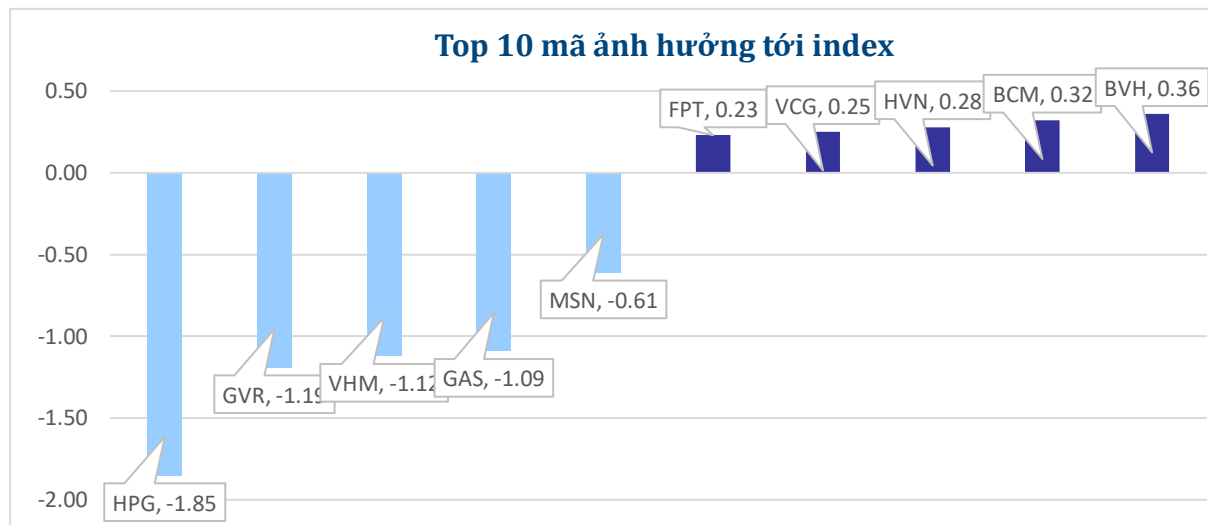
**UPCOM**



### THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	34,826.46	2.29%	1223.77	4.23%
HNX	4,548.79	-12.99%	191.31	-9.92%

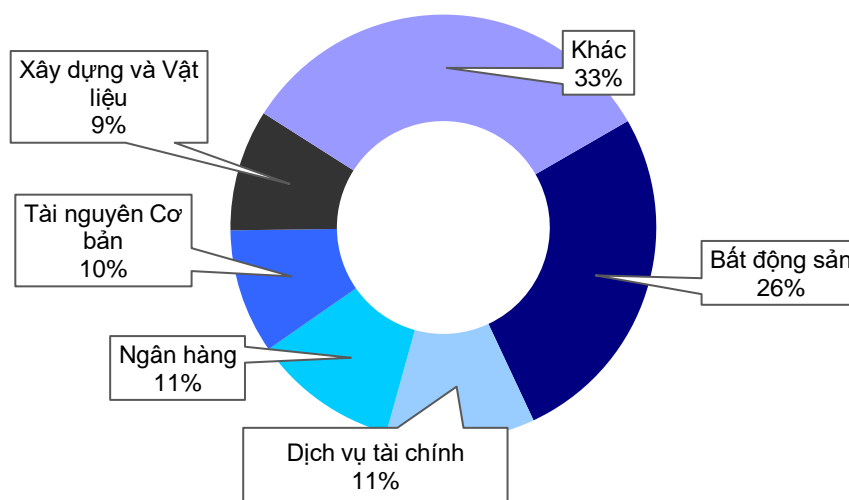
**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**



Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HQC	42.17	HPG	2,096.0	TNG	437%	THD	10.0%	KVC	-9.7%
HPG	39.78	KBC	820.6	VCG	410%	CVN	9.7%	KLF	-9.0%
FLC	36.66	SSI	739.0	QCG	329%	CEO	9.6%	SD9	-8.0%
HAG	36.39	GEX	689.0	HAH	284%	VIG	9.6%	DST	-7.9%
ROS	33.92	NLG	681.5	LGL	278%	CMS	9.5%	TTH	-6.9%

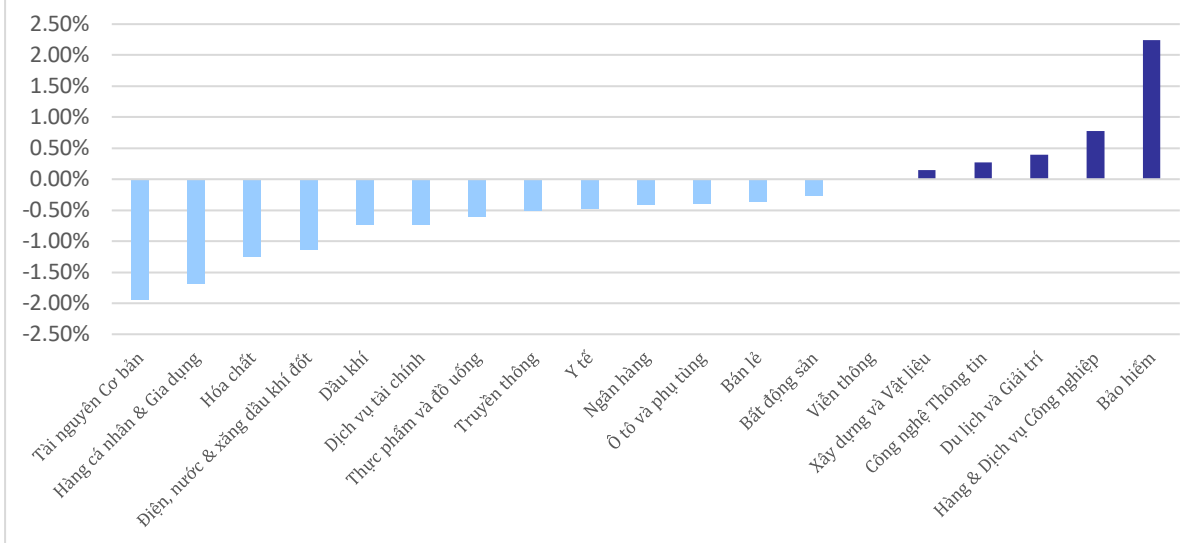
**NHÓM NGÀNH**

**Thanh khoản ngành trong ngày**





**Biến động các nhóm ngành trong ngày**

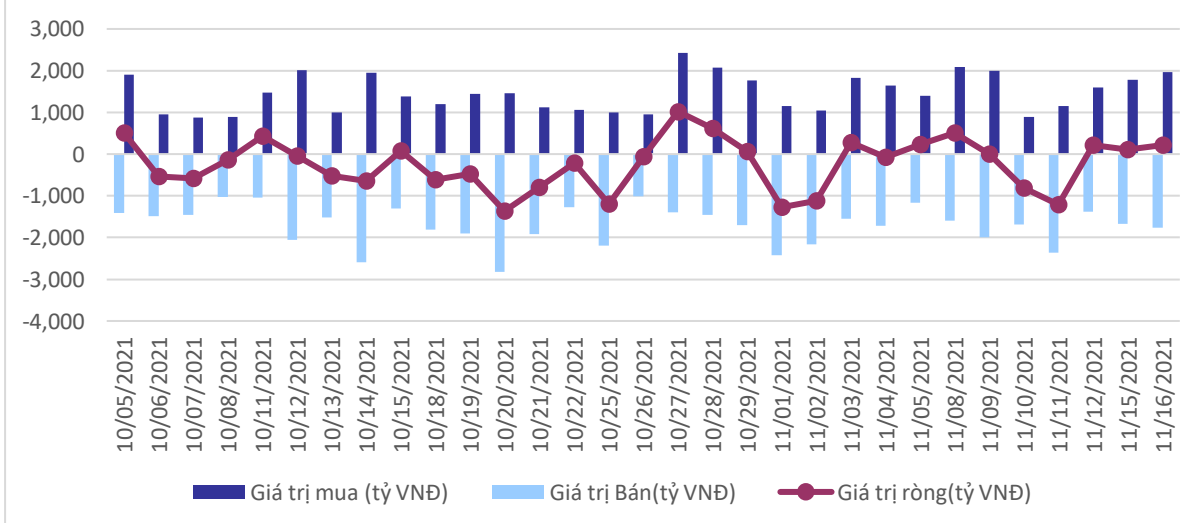


**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

Trên HOSE mua ròng 208.38 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 8.24 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
<b>FUEVFVND</b>	262.69	<b>NLG</b>	104.41
<b>MSN</b>	116.26	<b>HDB</b>	81.78
<b>KBC</b>	93.87	<b>VIC</b>	68.62
<b>DXG</b>	83.17	<b>STB</b>	53.98
<b>DGW</b>	44.24	<b>GEX</b>	53.51

**Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE**







### XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq$ 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

### XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

### KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đình Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696